TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2019/DS-ST
Ngày: 22-10-2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Văn Thị Ngọc Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Minh Lý;

2. Bà Trần Thị Kim Phượng.

***- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*:** Bà Vũ Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Lưu Kim Hằng– Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 274/2019/TLST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2019/QĐXXST-DS ngày 06/9/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 78/2019/QĐST-DS ngày 30/9/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Phương N, sinh năm 1972; địa chỉ: đường P, Tổ M, Khu phố N, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bà Trần Thị Phương N:

+ Bà Lê Trần Vân A, sinh năm 1977; địa chỉ: Phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 21/6/2019). Có đơn xin vắng mặt

+ Bà Đàm Thị Minh T, sinh năm 1995; địa chỉ: Phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 21/6/2019). Có đơn xin vắng mặt

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Bích N1, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ A, Khu phố B, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/6/2019, và trong quá quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị Phương N trình bày như sau:

Do làm việc cùng cơ quan nên, bà N có cho bà Nguyễn Thị Bích N1, vay tiền 03 lần cụ thể như sau:

- Lần thứ 1: Ngày 30/8/2018, bà N cho bà N1 vay số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn vay là từ ngày 30/8/2018 đến ngày 30/9/2018 mức lãi suất thỏa thuận của các bên dựa trên quy định của hệ thống pháp luật Việt Nam tại thời điểm cho vay, nhưng thực tế lãi suất thỏa thuận là 1%/tháng. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền gốc 200.000.000 đồng và thanh toán tiền lãi theo mức lãi suất 10% /năm (0,83%/tháng), từ ngày vay cho đến khi xét xử sơ thẩm.

- Lần thứ 2: Ngày 30/10/2018, bà N cho bà N1 vay số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn vay là từ ngày 30/10/2018 đến ngày 30/12/2018 mức lãi suất thỏa thuận của các bên dựa trên quy định của hệ thống pháp luật Việt Nam tại thời điểm cho vay, nhưng thực tế lãi suất thỏa thuận là 1%/tháng. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền gốc 30.000.000 đồng và thanh toán tiền lãi theo mức lãi suất 10% /năm (0,83%/tháng), từ ngày vay cho đến khi xét xử sơ thẩm.

- Lần thứ 3: Ngày 08/01/2019, bà N cho bà N1 vay số tiền 160.000.000 đồng, thời hạn vay là từ ngày 08/01/2019 đến ngày 15/01/2019, mức lãi suất thỏa thuận của các bên dựa trên quy định của hệ thống pháp luật Việt Nam tại thời điểm cho vay, nhưng thực tế hai bên lãi suất thỏa thuận là 1%/tháng. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền gốc 160.000.000 đồng và thanh toán tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm (0,83%/tháng), từ ngày vay cho đến khi xét xử sơ thẩm.

- Bị đơn là bà Nguyễn Thị Bích N1 đã được Tòa án thông báo về việc bị khởi kiện cũng như đến tham gia các phiên hòa giải, công bố công khai chứng cứ, quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, nhưng bà N1 vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một phát biểu nhận xét về việc thực hiện quá trình tố tụng như sau: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Về việc tuân theo pháp luật thì Thẩm phán đã chấp hành đúng Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với việc chấp hành pháp luật tại phiên tòa của Hội đồng xét xử là đúng quy định. Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thì nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, riêng bị đơn đã không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các hồ sơ có trong vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, qua ý kiến trình bày của đương sự tại phiên tòa nhận thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Nguyễn Thị Bích N1 nhưng bà N1 vẫn cố tình vắng mặt tại phiên tòa và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án nên được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Phương N là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do bà Nguyễn Thị Bích N1 có nơi cư trú tại phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương, nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

[2] Về nội dung vụ án:

Hội đồng xét xử nhận thấy: Vào các ngày 30/8/2018, 30/10/2018, 08/01/2019, giữa bà N và bà N1 đã xác lập "Hợp đồng vay tiền"

"Hợp đồng vay tiền" trên là hợp đồng vay tài sản, tại thời điểm giao kết hợp đồng, các bên đương sự có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nội dung thể hiện trong hợp đồng không trái pháp luật. Do đó, các hợp đồng nêu trên đã phát sinh hiệu lực buộc các bên phải tuân thủ thực hiện. Khi đến hạn thanh toán nhưng bà Nguyễn Thị Bích N1 không thanh toán cho bà N. Do đó, bà N khởi kiện yêu cầu bà N1 phải thanh toán khoản vay trên là phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn đối với bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà N cho bà N1 vay 03 lần vào các ngày 30/8/2018, 30/10/2018, 08/01/2019, khi vay có thỏa thuận lãi suất. Do đó, lãi suất được quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 là không vượt quá 20%/năm. Nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 10%/năm (0,83%/tháng), do yêu cầu tính lãi của nguyên đơn không vượt quá mức lãi 20%/năm theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận. Do đó, việc tính lãi được xác định như sau:

- Đối với khoản vay ngày 30/8/2018 với số tiền 200.000.000 đồng: Tính lãi từ ngày 30/8/2018 đến ngày 22/10/2019 (ngày xét xử sơ thẩm), tổng cộng là 13 tháng 22 ngày: Lãi suất được tính như sau: 200.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 13 tháng 22 ngày = 22.797.000 đồng.

- Đối với khoản vay ngày 30/10/2018 với số tiền 30.000.000 đồng, Tính lãi từ ngày 30/10/2018 đến ngày 22/10/2019 (ngày xét xử sơ thẩm), tổng cộng 11 tháng 22 ngày: Lãi suất được tính như sau: 30.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 11 tháng 22 ngày =4.747.000 đồng.

- Đối với khoản vay ngày 08/01/2019 với số tiền 50.000.000 đồng, việc tính lãi được xác định như sau: Tính lãi từ ngày 08/01/2019 đến ngày 22/10/2019 (ngày xét xử sơ thẩm), tổng cộng 09 tháng 14 ngày: Lãi suất được tính như sau: 160.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 09 tháng 14 ngày =1.947.000 đồng.

Tổng cộng tiền lãi của 03 khoản vay: 29.673.000 đồng

Do vậy, tổng số tiền gốc và lãi bị đơn phải thanh toán như sau: 390.000.000 đồng + 29.673.000 đồng = 419.673.000 đồng (bốn trăm mười chín triệu sáu trăm bảy mươi ba nghìn đồng).

Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Phương N đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Bích N1 về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Phương N được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị Bích N1 phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, 228, và Điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 463, 465, 466 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Phương N đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Bích N1 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc bà Nguyễn Thị Bích N1 có trách nhiệm thanh toán cho Trần Thị Phương N tổng số tiền 419.673.000 đồng (bốn trăm mười chín triệu sáu trăm bảy mươi ba nghìn đồng), trong đó có 390.000.000 đồng (ba trăm

chín mươi triệu đồng) tiền nợ gốc và 29.673.000 đồng (hai mươi chín triệu sáu trăm bảy mươi ba nghìn đồng) tiền lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Bích N1 phải nộp 20.787.000 đồng (hai mươi triệu bảy trăm tám mươi bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho bà Trần Thị Phương N số tiền đã nộp tạm ứng án phí trước đây là 10.527.000 đồng (mười triệu năm trăm hai mươi bảy nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí Số AA/2016/0034203 ngày 05/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp.TDM;
- Chi cục THADS Tp.TDM;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Văn Thị Ngọc Hương

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp.TDM;
- Chi cục THADS Tp.TDM;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Văn Thị Ngọc Hương